

Số: 2900/QĐ-UBND

Krông Búk, ngày 21 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả phỏng vấn (vòng 2), dự kiến người trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND, ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-SNV ngày 26/6/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk về việc Phê duyệt Phương án tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk năm 2020;

Xét Tờ trình số 19/TTr-HĐXTVC ngày 12/8/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả phỏng vấn (vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk năm 2020, gồm: **91 thí sinh**. Trong đó, giáo viên bậc Mầm non 61 thí sinh, giáo viên bậc Tiểu học 12 thí sinh, giáo viên bậc THCS 16 thí sinh, giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết 01 thí sinh, kế toán trưởng mầm non 01 thí sinh.

Dự kiến người trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk năm 2020, gồm: **42 người**. Trong đó, giáo viên bậc mầm non 29 người, giáo viên bậc tiểu học 03 người, giáo viên bậc THCS 08 người, giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết 01 người, kế toán trưởng mầm non 01 người.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Trưởng Phòng Nội vụ huyện:

1. Căn cứ Quyết định này, tham mưu Chủ tịch UBND huyện gửi Thông báo kết quả phỏng vấn (vòng 2) bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

2. Căn cứ chỉ tiêu tuyển dụng đã được Sở Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 370/QĐ-SNV ngày 26/6/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk về việc Phê duyệt Phương án tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk năm 2020, tham mưu Chủ tịch UBND huyện trình Sở Nội vụ phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk năm 2020.

3. Trên cơ sở phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức năm 2020 của Sở Nội vụ, tham mưu Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020 và gửi Thông báo bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo tuyển, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Sở Nội vụ;
 - Sở GD&ĐT;
 - TT. Huyện ủy;
 - TT. HĐND huyện;
 - CT, các PCT UBND huyện;
 - Lưu: VT, NV.
- } (báo cáo)



Vũ Văn Mỹ

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
1	H'Anh Ayũn	MN001	Nữ	12/12/1996	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	69,5	74,5
2	H' Anh Niê	MN002	Nữ	30/03/1987	Ê đê	DTTS	TC	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	69,5	74,5
3	Nguyễn Thị Be	MN003	Nữ	12/03/1993	Kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh bậc 2/6	U'DCB		70,5	70,5
4	H' Bế Niê	MN004	Nữ	01/01/1996	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	B	5,0	78,0	83,0
5	H Bluen Mlô	MN005	Nữ	31/03/1992	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh A	U'DCB	5,0	68,5	73,5
6	Phan Thị Châu	MN006	Nữ	24/01/1997	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh A2	U'DCB		77,0	77,0
7	Trần Thị Linh Chi	MN007	Nữ	14/10/1998	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh A	A		59,0	59,0
8	Đỗ Thị Thùy Dung	MN008	Nữ	05/08/1998	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		69,5	69,5
9	Lê Thị Mai Dung	MN009	Nữ	27/08/1993	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		76,5	76,5
10	Vũ Thị Thùy Dung	MN010	Nữ	20/09/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		76,5	76,5
11	Nông Thị Điềm	MN011	Nữ	28/08/1997	Tày	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	55,0	60,0
12	Lê Thu Hà	MN013	Nữ	19/12/1998	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		62,5	62,5
13	H' Hăng Mlô	MN014	Nữ	15/11/1999	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	69,5	74,5
14	Phạm Thị Thu Hiền	MN062	Nữ	12/10/1984	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		77,5	77,5
15	H' Hmoan Niê	MN015	Nữ	15/02/1990	Ê đê	DTTS	ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B	B	5,0	34,5	39,5
16	Ngô Thị Hoa	MN016	Nữ	16/06/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh A	U'DCB		70,5	70,5
17	Nguyễn Thị Mỹ Hoài	MN017	Nữ	16/07/1995	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		77,5	77,5
18	Bùi Thị Bích Hồng	MN018	Nữ	10/10/1997	Kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B1	U'DCB		78,5	78,5
19	Nông Thị Hồng	MN019	Nữ	23/03/1988	Tày	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	82,5	87,5
20	H Hót Kdoh	MN020	Nữ	12/06/1992	Ê đê	DTTS	ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B1	B	5,0	70,0	75,0
21	H Hũ Mlô	MN021	Nữ	07/10/1996	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh A	U'DCB	5,0	68,5	73,5
22	H' Hương Mlô	MN022	Nữ	12/06/1997	Ê đê	DTTS	TC	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	76,5	81,5

Yên

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
23	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	MN023	Nữ	22/12/1995	Kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh Toeic 425	U'DCB		69,5	69,5
24	H' Huyêt Niê	MN024	Nữ	23/04/1993	Ê đê	DTTS	ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	77,5	82,5
25	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	MN025	Nữ	28/02/1997	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		76,5	76,5
26	Hồ Thị Phương Linh	MN026	Nữ	10/06/1990	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng Anh B	U'DCB		82,0	82,0
27	Mai Thị Hồng Loan	MN027	Nữ	18/06/1998	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		80,5	80,5
28	H' Luen Niê	MN028	Nữ	24/08/1996	Ê đê	DTTS	ĐH	GD mầm non	Tiếng anh bậc 2/6	U'DCB	5,0	68,0	73,0
29	Trần Thị Luyến	MN029	Nữ	04/12/1990	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh A	B		80,5	80,5
30	H' Ne Ayün	MN030	Nữ	10/10/1999	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	68,5	73,5
31	Nguyễn Thị Thanh Nga	MN031	Nữ	04/10/1987	Kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh bậc 2/6	U'DCB		67,0	67,0
32	Nguyễn Thị Ngà	MN032	Nữ	10/09/1991	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh C	U'DCB		79,5	79,5
33	Cao Thị Ngọc	MN033	Nữ	28/12/1997	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		79,0	79,0
34	Đỗ Thị Nguyệt	MN034	Nữ	29/07/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	A		78,5	78,5
35	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	MN035	Nữ	11/11/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	B		79,0	79,0
36	Hồ Thị Phương Nhi	MN036	Nữ	07/07/1995	kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh A2	A		77,0	77,0
37	Phan Thị Quỳnh Nhi	MN037	Nữ	20/05/1994	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	B		78,5	78,5
38	H' Nhon Mlô	MN038	Nữ	23/04/1998	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	78,0	83,0
39	Nguyễn Thị Hồng Nhung	MN039	Nữ	26/11/1986	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		79,0	79,0
40	Phạm Thị Hồng Nhung	MN040	Nữ	03/08/1998	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		80,0	80,0
41	H' Niam Niê	MN041	Nữ	09/04/1991	Ê đê	DTTS	ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B	B	5,0	67,0	72,0
42	H Nư Kdoh	MN042	Nữ	05/02/1996	Ê đê	DTTS	CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	B	5,0	68,0	73,0
43	Huỳnh Thị Nữ	MN043	Nữ	04/04/1995	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	A		77,5	77,5
44	Ayün Nyga	MN044	Nữ	20/06/1992	Ê đê	DTTS	TC	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	67,0	72,0
45	Phan Thị Kim Oanh	MN045	Nữ	16/08/1989	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		77,5	77,5
46	Nông Thị Quyên	MN046	Nữ	24/08/1998	Tày	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	69,5	74,5
47	H' Na Sa Byă	MN047	Nữ	28/08/1993	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh A2	U'DCB	5,0	69,0	74,0
48	H' Soanh Niê	MN048	Nữ	10/07/1996	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh A	A	5,0	69,0	74,0
49	H Tít Kbuôr	MN049	Nữ	13/07/1993	Ê đê	DTTS	CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	B	5,0	69,5	74,5
50	H' Trâm Niê	MN050	Nữ	31/01/1995	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	A	5,0	69,5	74,5
51	Trịnh Thị Thu Trang	MN051	Nữ	06/05/1991	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB		78,0	78,0
52	Đặng Thị Việt Trinh	MN052	Nữ	14/09/1990	Kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B	B		70,0	70,0
53	Bùi Thị Thanh Trúc	MN053	Nữ	09/08/1995	Kinh	CTB	TC	GD mầm non	Tiếng anh B	B	5,0	76,0	81,0

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
54	H' Tý Mlô	MN054	Nữ	22/04/1996	Ê đê		TC	SP mầm non	Tiếng anh A	A		69,5	69,5
55	Trần Thị Bảo Uyên	MN055	Nữ	13/08/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh A	U'DCB		71,5	71,5
56	H Wong Mlô	MN056	Nữ	17/06/1988	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	69,5	74,5
57	Lê Thị Yến	MN057	Nữ	28/05/1995	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	B		76,0	76,0
58	Nguyễn Thị Mỹ Yến	MN058	Nữ	13/12/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh A	A		72,5	72,5
59	Phan Thị Yến	MN059	Nữ	15/07/1995	Kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh A2	U'DCB		71,0	71,0
60	H' Yêu Ê Ban	MN060	Nữ	16/12/1997	Ê đê	DTTS	ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	69,5	74,5
61	H' Yung Niê	MN061	Nữ	08/05/1995	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	A	5,0	77,0	82,0
TỔNG SỐ 61 THÍ SINH													

Ước

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TỔNG HỢP TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
1	Quế Thị Trường An	TH TH01	Nữ	01/09/1997	Kinh		Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B1	U'DCB		57,5	57,5
2	Nguyễn Thị Trâm Anh	TH TH02	Nữ	14/11/1996	Kinh		Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	B		71,0	71,0
3	H' Bruôi Ayün	TH TH03	Nữ	12/06/1994	Ê đê	DTTS	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B1	U'DCB	5,0	82,5	87,5
4	Nguyễn Thị Cúc	TH TH04	Nữ	15/10/1990	Tày	DTTS	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	A	5,0	74,5	79,5
5	Nguyễn Thị Giang	TH TH05	Nữ	05/11/1997	Kinh		Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh A2	U'DCB		78,5	78,5
6	Phạm Thị Ngọc Huyền	TH TH06	Nữ	12/10/1997	Kinh		Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh A2	U'DCB		68,5	68,5
7	H Lom Ayün	TH TH08	Nữ	16/04/1997	Ê đê	DTTS	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	70,5	75,5
8	Bùi Thị Mai Phương	TH TH09	Nữ	12/11/1997	Mường	DTTS	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh A2	U'DCB	5,0	71,5	76,5
9	H Trang Niê	TH TH11	Nữ	18/03/1993	Ê đê	DTTS	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	U'DCB	5,0	71,5	76,5
10	Lê Thị Thu Trang	TH TH12	Nữ	11/12/1997	Kinh		Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	U'DCB		90,0	90,0
11	Phan Thị Hà Trang	TH TH13	Nữ	03/11/1997	Kinh		Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	U'DCB		89,0	89,0
12	Lê Thị Ngọc Tuyền	TH TH14	Nữ	16/08/1996	Kinh		Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	B		90,0	90,0

TỔNG SỐ 12 THÍ SINH

Ưd

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN NGŨ VĂN THCS

(Kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học			
1	H' Liên Niê	NV THCS01	Nữ	30/08/1990	Ê Đê	DTTS	ĐH	SP Ngữ văn		Tiếng anh B	ƯDCB	5,0	53,0	58,0
2	Nguyễn Thị Mỹ Thùy	NV THCS02	Nữ	10/11/1994	Kinh	Không	ĐH	SP Ngữ văn		Tiếng anh B1	B		67,0	67,0
TỔNG SỐ 02 THÍ SINH														

Ưd

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIẾNG ANH THCS
(Kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học			
1	Lê Thị Ngọc Cẩm	TA THCS01	Nữ	20/11/1988	Kinh		ĐH	Tiếng anh	Có NVSP	Tiếng Pháp B	B		66,0	66,0
2	Nguyễn Thị Kim Hoan	TA THCS02	Nữ	09/01/1989	Kinh		ĐH	Tiếng anh	Có NVSP	Tiếng Pháp B	ƯDCB		71,0	71,0
3	Lê Thị Thanh Hương	TA THCS03	Nữ	19/09/1993	Kinh		CĐ	Tiếng anh	Có NVSP	Tiếng Pháp B	ƯDCB		63,0	63,0
4	Trịnh Công Khánh	TA THCS04	Nam	20/03/1993	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng anh		Tiếng Pháp B	B		57,0	57,0
5	Lưu Thị Ánh Nguyệt	TA THCS05	Nữ	12/08/1995	Kinh		CĐ	Tiếng anh	Có NVSP	Tiếng Pháp B	B		57,0	57,0
6	Nguyễn Thị Phương Thúy	TA THCS06	Nữ	07/04/1989	Kinh		ĐH	Tiếng anh	Có NVSP	Tiếng Nga B	ƯDCB		50,5	50,5
TỔNG SỐ 06 THÍ SINH														

Uđ

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIN HỌC THCS

(Kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điểm ưu tiên	Trình độ đào tạo					Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học			
1	Dương Thành Duy	TH THCS01	Nam	05/02/1986	Kinh		ĐH	Công nghệ thông tin	Có NVSP	Tiếng anh B	ĐH		70,5	70,5
TỔNG SỐ 01 THÍ SINH														

VL

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN SINH HỌC THCS
(Kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học			
1	Hoàng Thị Thùy An	SH THCS01	Nữ	16/12/1992	Kinh	Không	ĐH	Sinh học	Có NVSP	Tiếng anh bậc 3/6	ƯDCB		69,0	69,0
2	H Sa Ly Niê	SH THCS02	Nữ	27/08/1997	Ê Đê	DTTS	ĐH	Sư phạm Sinh học		Tiếng anh B1	ƯDCB	5,0	56,5	61,5
3	Trần Ngọc Thảo	SH THCS03	Nữ	06/06/1989	Kinh	Không	ThS	Sinh học thực nghiệm	Có NVSP	Tiếng anh B1	ƯDCB		56,00	56,0
4	Lê Thị Thu	SH THCS04	Nữ	10/10/1994	Kinh	Không	ĐH	Sư phạm Sinh học		Tiếng anh B	B		59,5	59,5
5	Phạm Nhật Uyên	SH THCS05	Nữ	06/10/1998	Kinh	Không	CĐ	Sư phạm Sinh học		Tiếng anh B	ƯDCB		51,00	51,0
TỔNG SỐ 05 THÍ SINH														

Uol

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THỂ DỤC THCS

(Kèm theo Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học			
1	Đào Văn Minh	TD THCS01	Nam	24/10/1984	Kinh		ĐH	Giáo dục thể chất	Có NVSP	Tiếng anh bậc 2/6	ƯDCB		57,5	57,5
2	Phạm Thành Nam	TD THCS02	Nam	09/08/1993	Kinh		ĐH	Giáo dục thể chất		Tiếng anh B	ƯDCB		59,0	59,0
TỔNG SỐ 02 THÍ SINH														

Ưđ

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP LÝ THUYẾT
(Kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học			
1	Nguyễn Đình Hùng	GVN 01	Nam	22/04/1987	Kinh		Đại học	Công nghệ Chế tạo máy	Có chứng chỉ SP nghề	Tiếng anh B	B		69,0	69,0
TỔNG SỐ 01 THÍ SINH														

Uđ

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: KẾ TOÁN TRƯỞNG MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			
1	Vũ Thị Minh Huyền	KTMN 01	Nữ	20/06/1994	Kinh		CĐ	Kế toán	Tiếng anh B	B		68,5	68,5
TỔNG SỐ 01 THÍ SINH													

VL

DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21 /8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Nông Thị Hồng	MN019	Nữ	23/03/1988	Tày	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt	5,0	82,5	87,5
2	H' Bê Niê	MN004	Nữ	01/01/1996	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt	5,0	78,0	83,0
3	H' Nhon Mlô	MN038	Nữ	23/04/1998	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt	5,0	78,0	83,0
4	H' Huyêt Niê	MN024	Nữ	23/04/1993	Ê đê	DTTS	ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt	5,0	77,5	82,5
5	Hồ Thị Phương Linh	MN026	Nữ	10/06/1990	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng Anh B	U'DCB	Đạt		82,0	82,0
6	H' Yung Niê	MN061	Nữ	08/05/1995	Ê đê	DTTS	TC	SP mầm non	Tiếng anh B	A	Đạt	5,0	77,0	82,0
7	H' Hương Mlô	MN022	Nữ	12/06/1997	Ê đê	DTTS	TC	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt	5,0	76,5	81,5
8	Bùi Thị Thanh Trúc	MN053	Nữ	09/08/1995	Kinh	CTB	TC	GD mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt	5,0	76,0	81,0
9	Mai Thị Hồng Loan	MN027	Nữ	18/06/1998	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		80,5	80,5
10	Trần Thị Luyến	MN029	Nữ	04/12/1990	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh A	B	Đạt		80,5	80,5
11	Phạm Thị Hồng Nhung	MN040	Nữ	03/08/1998	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		80,0	80,0
12	Nguyễn Thị Ngà	MN032	Nữ	10/09/1991	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh C	U'DCB	Đạt		79,5	79,5
13	Cao Thị Ngọc	MN033	Nữ	28/12/1997	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		79,0	79,0
14	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	MN035	Nữ	11/11/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt		79,0	79,0
15	Nguyễn Thị Hồng Nhung	MN039	Nữ	26/11/1986	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		79,0	79,0
16	Bùi Thị Bích Hồng	MN018	Nữ	10/10/1997	Kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh B1	U'DCB	Đạt		78,5	78,5
17	Đỗ Thị Nguyệt	MN034	Nữ	29/07/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	A	Đạt		78,5	78,5
18	Phan Thị Quỳnh Nhi	MN037	Nữ	20/05/1994	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt		78,5	78,5
19	Trịnh Thị Thu Trang	MN051	Nữ	06/05/1991	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		78,0	78,0
20	Phạm Thị Thu Hiền	MN062	Nữ	12/10/1984	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		77,5	77,5

Ưd

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
21	Nguyễn Thị Mỹ Hoài	MN017	Nữ	16/07/1995	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		77,5	77,5
22	Huỳnh Thị Nữ	MN043	Nữ	04/04/1995	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	A	Đạt		77,5	77,5
23	Phan Thị Kim Oanh	MN045	Nữ	16/08/1989	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		77,5	77,5
24	Phan Thị Châu	MN006	Nữ	24/01/1997	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh A2	U'DCB	Đạt		77,0	77,0
25	Hồ Thị Phương Nhi	MN036	Nữ	07/07/1995	kinh		ĐH	GD mầm non	Tiếng anh A2	A	Đạt		77,0	77,0
26	Lê Thị Mai Dung	MN009	Nữ	27/08/1993	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		76,5	76,5
27	Vũ Thị Thùy Dung	MN010	Nữ	20/09/1996	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		76,5	76,5
28	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	MN025	Nữ	28/02/1997	Kinh		TC	SP mầm non	Tiếng anh B	U'DCB	Đạt		76,5	76,5
29	Lê Thị Yến	MN057	Nữ	28/05/1995	Kinh		CĐ	GD mầm non	Tiếng anh B	B	Đạt		76,0	76,0
TỔNG SỐ 29 THÍ SINH														

Uđ

DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Lê Thị Thu Trang	TH TH12	Nữ	11/12/1997	Kinh		Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	ƯDCB	Đạt		90,0	90,0
2	Lê Thị Ngọc Tuyền	TH TH14	Nữ	16/08/1996	Kinh		Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	B	Đạt		90,0	90,0
3	Phan Thị Hà Trang	TH TH13	Nữ	03/11/1997	Kinh		Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	Tiếng anh B	ƯDCB	Đạt		89,0	89,0
TỔNG SỐ 03 THÍ SINH														

Ưd

DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN NGỮ VĂN THCS

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 21 /8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Nguyễn Thị Mỹ Thùy	NV THCS02	Nữ	10/11/1994	Kinh	Không	ĐH	SP Ngữ văn		Tiếng anh B1	B	Đạt		67,0	67,0
TỔNG SỐ 01 THÍ SINH															

UK

DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIẾNG ANH THCS

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21 /8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Nguyễn Thị Kim Hoan	TA THCS02	Nữ	09/01/1989	Kinh		ĐH	Tiếng anh	Có NVSP	Tiếng Pháp B	ƯDCB	Đạt		71,0	71,0
2	Lê Thị Ngọc Cẩm	TA THCS01	Nữ	20/11/1988	Kinh		ĐH	Tiếng anh	Có NVSP	Tiếng Pháp B	B	Đạt		66,0	66,0
3	Lê Thị Thanh Hương	TA THCS03	Nữ	19/09/1993	Kinh		CĐ	Tiếng anh	Có NVSP	Tiếng Pháp B	ƯDCB	Đạt		63,0	63,0
TỔNG SỐ 03 THÍ SINH															

VL

DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIN HỌC THCS

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900 /QĐ-UBND ngày 21 /8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Dương Thành Duy	TH THCS01	Nam	05/02/1986	Kinh		ĐH	Công nghệ thông tin	Có NVSP	Tiếng anh B	ĐH	Đạt		70,5	70,5
TỔNG SỐ 01 THÍ SINH															

Uk

DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN SINH HỌC THCS

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Hoàng Thị Thùy An	SH THCS01	Nữ	16/12/1992	Kinh		ĐH	Sinh học	Có NVSP	Tiếng anh bậc 3/6	ƯDCB	Đạt		69,0	69,0
TỔNG SỐ 01 THÍ SINH															

UK

DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THỂ DỤC THCS

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 21 /8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Phạm Thành Nam	TD THCS02	Nam	09/08/1993	Kinh		ĐH	Giáo dục thể chất		Tiếng anh B	ƯDCB	Đạt		59,0	59,0
2	Đào Văn Minh	TD THCS01	Nam	24/10/1984	Kinh		ĐH	Giáo dục thể chất	Có NVSP	Tiếng anh bậc 2/6	ƯDCB	Đạt		57,5	57,5
TỔNG SỐ 02 THÍ SINH															

Ud

DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Nguyễn Đình Hùng	GVN 01	Nam	22/04/1987	Kinh		Đại học	Công nghệ Chế tạo máy	Có chứng chỉ SP nghề	Tiếng anh B	B	Đạt		69,0	69,0
TỔNG SỐ 01 THÍ SINH															

VL



DANH SÁCH DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: KẾ TOÁN TRƯỞNG MẦM NON

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	Họ và tên	SBD	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	
1	Vũ Thị Minh Huyền	KTMN 01	Nữ	20/06/1994	Kinh		CĐ	Kế toán	Tiếng anh B	B	Đạt		68,5	68,5
TỔNG SỐ 01 THÍ SINH														

ƯA